

**BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY**

Số: 01/2024/BBKD/CPVC/VFPI-TC

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 04 năm 2024 tại Trung tâm thử nghiệm vật liệu thiết bị PCCC, Địa chỉ: Lập Thành, xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội

Chúng tôi gồm:

- | | |
|-------------------------|-------------------|
| 1. Ông Nguyễn Đình Xuân | Chức vụ: Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Mạnh Hiệp | Chức vụ: Cán bộ |

Đã tiến hành kiểm định chất lượng, chủng loại, mẫu mã phương tiện phòng cháy chữa cháy của Công ty cổ phần TC Toàn Cầu Việt Nam, địa chỉ: : Tầng 5, Tòa nhà HUD3 Tower số 121-123 phố Tô Hiệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam. (phiếu tiếp nhận số: 03/2024/TNHS/VFPI, ngày 12/03/2024).

II. PHƯƠNG THỨC KIỂM ĐỊNH:

1. Mẫu thử nghiệm

- Phương tiện phòng cháy chữa cháy theo văn bản đề nghị kiểm định ngày 12/03/2024 của Công ty cổ phần TC Toàn Cầu Việt Nam được lấy mẫu xác suất theo quy định tại QCVN 03:2021/BCA và công văn hướng dẫn 538/TCCL-TC1 ngày 12/06/2023

2. Kiểm tra hồ sơ tài liệu

- Văn bản đề nghị kiểm định phương tiện (mẫu số PC26); bảng thống kê phương tiện phòng cháy và chữa cháy đề nghị kiểm định theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP;
- Chứng nhận xuất xứ của phương tiện PCCC (CO) (bản sao);
- Chứng nhận số lượng và chất lượng của phương tiện PCCC (CQ) (bản sao);
- Tài liệu kỹ thuật, Catalogue của phương tiện PCCC (bản sao);
- Các chứng nhận khác về phương tiện PCCC.

3. Kiểm định các thông số kỹ thuật của phương tiện phòng cháy chữa cháy:

Kiểm tra đối chiếu các thông số ghi trong Catalogue đính kèm.

- Áp suất làm việc, áp suất thử;
- Chủng loại, mẫu mã, chất lượng, xuất xứ của phương tiện;
- Đặc tính kỹ thuật của phương tiện;
- Kiểm tra chức năng hoạt động của phương tiện.

III. THIẾT BỊ KIỂM ĐỊNH

1. Thiết bị thử nghiệm

- Thước đo chiều dài độ chính xác 1mm

- Thước cặp điện tử đo đường kính độ chính xác 0.01mm
- Thiết bị kiểm tra ren
- Đồng hồ bấm giây độ chính xác đến 1%
- Các thiết bị đo áp suất 1 bar, 2,5 bar, 16 bar, 60 bar, 100 bar độ chính xác 1,6%
- Cảm biến áp suất điện tử từ 0 đến 10 bar độ chính xác 0.2%
- Thiết bị kiểm tra độ co dài do nhiệt mô tả theo điều 7.2 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra nhiệt độ vicat mô tả theo điều 5.1.5 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra khối lượng riêng mô tả theo điều 5.1.6 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra tính cháy theo mô tả theo điều 6 TCVN12653-2:2019
- Hệ thống kiểm tra chịu lửa mô tả theo điều 7 TCVN12653-2:2019
- Hệ thống kiểm tra áp suất thủy tĩnh mô tả theo điều 8 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra hệ số ma sát và chiều dài ống tương đương mô tả theo điều 9,10 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra khả năng chống ăn mòn của bộ phận thép không gỉ mô tả theo điều 12 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra độ bền chịu uốn, gãy gập mô tả theo điều 13, 18 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra độ bền chống va đập mô tả theo điều 14 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra tính chịu nén, chịu kéo mô tả theo điều 15 TCVN12653-2:2019, điều 8.6 TCVN12653-1:2019
- Máy kiểm tra độ bền chịu rung mô tả theo điều 16 TCVN12653-2:2019
- Hệ thống thử nghiệm Sprinkler áp suất cao mô tả theo điều 17 TCVN12653-2:2019
- Hệ thống thử chịu áp đối với mối nối và phụ tùng mô tả theo điều 19 TCVN12653-2:2019
- Hệ thống thử nghiệm chịu áp, chịu nhiệt theo chu kỳ mô tả theo điều 20,21 TCVN12653-2:2019
- Máy kiểm tra độ bền chịu nhấn mô tả theo điều 23 TCVN12653-2:2019

2. Điều kiện thử nghiệm

- Điều kiện môi trường 18 đến 35 độ C
- Độ ẩm 45 đến 85%

IV. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

Căn cứ phiếu kết quả kiểm định số: 01/01-2024/CPVC/VFPI-TC và 03/01-2024/CPVC/VFPI-TC đến số 23/01-2024/CPVC/VFPI-TC.

Căn cứ báo bảng đánh giá tổng hợp được thể hiện từ trang số 03 đến trang số 73 như dưới bảng

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
1.	Ông CPVC PT BlazeMaster SDR 13.5 DN20 4000mm Số lô: 4GY6		ống	406 (33*)64 /439	Paratech-BlazeMaster/Hàn Quốc	2023	1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	Bảo đảm	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	Bảo đảm	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)			-	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)			-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
2.	Ống CPVC PT BlazeMaster SDR13.5 DN25 4000mm Số lô: 4GY6		ống	125 (33*)64 /158	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	Bảo đảm	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	Bảo đảm	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
								QCVN 03:2023/BCA	Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)		-	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngăn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
3.	Ông CPVC PT BlazeMaster SDR13.5 DN32 4000mm Số lô: 4GY6		ông	165 (33*)64 /198	Paratech-BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	Bảo đảm	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
								QCVN 03:2023/BCA				
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	Bảo đảm		
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)		-		
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-		
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		Đạt QCVN 03:2023
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
4.	Ông CPVC PT BlazeMaster SDR13.5 DN40 4000mm Số lô: 4GY6		ống	46 (33*)64 /79	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	Bảo đảm	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số dầu phun, tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	Bảo đảm	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)		-	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
5.	Ông CPVC PT BlazeMaster SDR13.5 DN50 4000mm Số lô: 4GY6		ông	210 (33*)64 /243	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	Bảo đảm	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ;	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	Bảo đảm	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)		-	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
6.	Ống CPVC PT BlazeMaster SDR13.5 DN50 4000mm Số lô: 4GY6		ống	73 (33*)64 /106	Paratech-BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	Bảo đảm	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									- Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có tràn bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phía ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	Bảo đảm	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)		-	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
7.	Cút 90 độ CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN20		Cái	1596 (17*)58 /1613	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phân ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3.6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phân ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=2,13m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
8.	Cút 90 độ CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN25		Cái	195 (20*)38 /215	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=2,13m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
9.	Cút 90 độ CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN32		Cái	99 (12*)38 /111	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	15. Độ bền chịu uốn	QCVN 03:2023/BCA Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa		- Trường hợp có trần giả bảo	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
								QCVN 03:2023/BCA				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=2,44m	Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17	Bảo đảm		

Đạt
QCVN 03:2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							điều kiện sau khi lắp đặt	QCVN 03:2023/BCA	Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
								QCVN 03:2023/BCA				
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)			-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		-	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		Đạt QCVN 03:2023
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150		-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=2,74m	Bảo đảm		
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)			-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)			-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
11.	Cút 90 độ CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN50		Cái	186 (12*)38 /198	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế		
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-		
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-		
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		-	Đạt QCVN 03:2023
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-		
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,35m	Bảo đảm		
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-		
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-		

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
12.	Cút 90 độ CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN65	Cái	114 (12*)38 /126	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023		13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
12.	Cút 90 độ CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN65	Cái	114 (12*)38 /126	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023		1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)			-	Đạt QCVN 03:2023
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)			Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³		-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)			-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		-	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150		-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổng thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,66m		Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)			-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
13.							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
	Tên CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN20		Cái	645 (14*)38		2023	1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
								QCVN 03:2023/BCA			
				/659	Paratech-BlazeMaster/Hàn Quốc		2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bao vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	Bảo đảm	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổng thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=0,914m	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
								QCVN 03:2023/BCA			
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
14.	Tên CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN25		Cái	30 (15*)38 /45	Paratech-BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	-	Đạt QCVN 03:2023
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=1,52m	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)				
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							23. Ghi nhãn	QCVN 03:2023/BCA		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm	Bảo đảm	
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	Bảo đảm	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	

Đạt
QCVN 03:2023

15.
Tê CPVC PT
BlazeMaster
SCH40 DN32

Cái
42
(18*)38
/60
Paratech-
BlazeMaster
/Hàn Quốc

2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=1,83m	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			Bảo đảm
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)				Bảo đảm
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)				Bảo đảm
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			Bảo đảm
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)				-
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)				Bảo đảm
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³			-
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)				-
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm			-
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17			Bảo đảm

Đạt
QCVN 03:2023

16. Tê CPVC PT
BlazeMaster
SCH80 DN40

32
(14*)38
/46

Cái

Paratech-
BlazeMaster
/Hàn Quốc

2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=2,44m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							21. Khả năng chống gây gập	QCVN 03:2023/BCA Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
17.	Tê CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN50		Cái	57 (14*)38 /71	Paratech-BlazeMaster/Hàn Quốc	2023	7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,05m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
18.	Tê CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN65		Cái	42 (14*)38 /56	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	Đạt QCVN 03:2023
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650) kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số dầu phụ thuộc tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,66m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
								QCVN 03:2023/BCA			
19.	Tê thu CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN25x20		Cái	168 (13*)38 /181	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ:	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổng thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=1,52m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
								QCVN 03:2023/BCA				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
								Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm			

Đạt
QCVN 03:2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									- Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=1,83m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
								QCVN 03:2023/BCA				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			
								Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay			

Đạt
QCVN 03:2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổng thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=2,44m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
22.	Tê thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN50x20		Cái	200 (12*)38 /212	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,05m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)			Đạt QCVN 03:2023
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá		
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật					
								QCVN 03:2023/BCA						
								15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)					-
								16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)					-
								17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)					-
								18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)					-
								19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)					-
								20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)					-
								21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)					-
								22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)					-
								23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)					Bảo đảm
								1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)					Bảo đảm
								2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)					Bảo đảm
								3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)					-
								4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)					Bảo đảm
								5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)					-
								6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)					-
								7. Tính chịu lửa						-
													- Trường hợp có trần giả bảo	

Đạt QCVN 03:2023

23. Tên thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN50x25

81 (12*)38 /93

Cái

Paratech-BlazeMaster /Hàn Quốc

2023

Đạt
QCVN 03:2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tại liệu kỹ thuật	Thực tế	
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,05m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
								QCVN 03:2023/BCA	Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			
								Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C			
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)				
								Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³			

Đạt
QCVN 03:2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	-	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,05m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
25.	Tê thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN50x40		Cái	86 (12*)38 /98	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài đo nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	Đạt QCVN 03:2023
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	-	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổng thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,05m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phân thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gây gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
26.	Tê thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN65x25		Cái	231 (12*38 /243	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	QCVN 03:2023/BCA Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	-	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổng thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,66m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	

Đạt
QCVN 03:2023

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
27.	Lơ thu CPVC PT BlazeMaster		Cái	299 (21*)38		2023	1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
	SCH40 DN25x20			/320	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc		2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650) kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	Bảo đảm	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=0,305m	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Thực tế	Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật			
								QCVN 03:2023/BCA				
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)			-	Đạt QCVN 03:2023
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)			-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-		
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-		
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-		
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-		
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-		
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
							21. Khả năng chống gãy gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-		
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm		
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm		

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
								QCVN 03:2023/BCA			
28.	Tê thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN65x32		Cái	143 (12*)38 /155	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	-	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=3,66m	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
29.	Tê thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN65x40		Cái	79 (12*)38 /91	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài đo nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm	-	
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C		
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150 - L=3,66m	-	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							12. Độ bền của nhân	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,1 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
30.	Cón thu CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN25x20		Cái	170 (14*)38 /184	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3.6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=0,305m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
31.	Côn thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN32x25		Cái	216 (20*)38 /236	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ổng và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)	-	-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ổng và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ổng và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									phan ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số dầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=0,305m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
32.	Côn thu CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN40x32		Cái	89 (12*)38 /101	Paratech- BlazeMaster /Hàn Quốc	2023	19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co giãn dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ:	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phân tủa nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xoàng, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tồn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=0,305m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		-	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhân xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
33.	Nối ống chuyển ren trong CPVC PT BlazeMaster SCH80 DN50		Cái	82 (15*)38 /97	Paratech-BlazeMaster/Hàn Quốc	2023	18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm	-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									- Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tổng thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)	- L=0,305m	Bảo đảm	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
34.	Nối ống chuyên ren trong CPVC PT BlazeMaster SCH40 DN20x15		Cái	1589 (30*)58 /1619	Paratech-BlazeMaster/Hàn Quốc	2023	17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1.21 Mpa ở 65 độ C	-	
							21. Khả năng chống gãy gập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1.21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhãn	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							1. Kích thước, ngoại quan	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 5.2, 6.1, 6.2 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							2. Áp suất và nhiệt độ làm việc	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.1 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1.21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							3. Độ co chiều dài do nhiệt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.2 TCVN 12653-1:2019)		-	
							4. Nhiệt độ mềm hóa Vicat	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.3 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
							5. Khối lượng riêng	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.4 TCVN 12653-1:2019)	(1450-1650)kg/m ³	-	
							6. Tính cháy	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							7. Tính chịu lửa	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.6 TCVN 12653-1:2019)	- Trường hợp có trần giả bảo vệ thì khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phản ứng tiêu chuẩn, 68 độ C, kích thước DN15, quay	Bảo đảm	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu QCVN 03:2023/BCA	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
									xuống, loại trần thạch cao độ dày mỏng nhất 3,6mm - Trường hợp ống lắp đặt ở khu vực không có trần bảo vệ: khoảng cách tối đa giữa 2 đầu phun là 4,57m với đầu phun phân ứng nhanh, 68 độ C, kích thước DN15, loại quay xuống, hệ số đầu phun tối thiểu K=5,6, đường ống lắp sát trần, đầu phun cách trần 203mm		
							8. Khả năng chịu nhiệt theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.7 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							9. Hệ số ma sát ống	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.8 TCVN 12653-1:2019)	- Hệ số ma sát : C=150	-	
							10. Chiều dài ống tương đương của phụ tùng (tôn thất áp suất của phụ kiện)	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.9 TCVN 12653-1:2019)		-	
							11. Khả năng chịu ăn mòn đối với phần thép không gỉ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.10.1 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	Đạt QCVN 03:2023
							12. Độ bền của nhãn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 7.11 TCVN 12653-1:2019)		-	
							13. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh ngắn hạn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.1 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							14. Khả năng chống rò rỉ và chịu áp suất thủy tĩnh theo điều kiện sau khi lắp đặt	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.1.2 TCVN 12653-1:2019)	Ống và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							15. Độ bền chịu uốn	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.3 TCVN 12653-1:2019)		-	

Stt	Tên, số hiệu, quy cách của phương tiện	Ký, mã hiệu	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm sản xuất	Nội dung kiểm định	Yêu cầu về thông số kỹ thuật kiểm định			Nhận xét đánh giá
								Yêu cầu	Tài liệu kỹ thuật	Thực tế	
							16. Độ bền chịu va đập	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.4 TCVN 12653-1:2019)		-	Đạt QCVN 03:2023
							17. Độ bền chịu nén bẹp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.5 TCVN 12653-1:2019)		-	
							18. Cường độ chịu kéo	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.6 TCVN 12653-1:2019)		-	
							19. Khả năng chịu rung	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.8 TCVN 12653-1:2019)		-	
							20. Khả năng đảm bảo hoạt động của sprinkler áp suất cao	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.9 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							21. Khả năng chống gãy gấp	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.10 TCVN 12653-1:2019)		-	
							22. Khả năng chịu áp suất theo chu kỳ	Mục 2.6.6 QCVN 03:2023/BCA (Điều 8.11 TCVN 12653-1:2019)	Ông và phụ tùng đảm bảo làm việc được dưới áp suất 2,17 Mpa ở 23 độ C và 1,21 Mpa ở 65 độ C	Bảo đảm	
							23. Ghi nhận	Mục 3.2 QCVN 03:2023/BCA (Điều 9 TCVN 12653-1:2019)		Bảo đảm	
Ghi chú: *Cơ quan kiểm định đã lấy mẫu xác suất và thử nghiệm phá hủy một số mẫu theo quy định.											

V. KẾT LUẬN

Tại thời điểm kiểm định, căn cứ vào kết quả kiểm tra, thử nghiệm, đối chiếu với quy định về PCCC hiện hành và các chỉ tiêu kỹ thuật của thiết bị theo hồ sơ đề nghị kiểm định và Catalogue thiết bị, kết luận: Lô phương tiện PCCC của Công ty cổ phần TC Toàn Cầu Việt Nam sử dụng để cung cấp ra thị trường có các thông số kỹ thuật phù hợp với các quy định về phòng cháy và chữa cháy hiện hành và được phép sử dụng trong công tác phòng cháy và chữa cháy.

Biên bản được hoàn thành vào hồi 12 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 04 năm 2024 và được lập thành 01 bản./.

CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH


Nguyễn Mạnh Hân

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH
GIÁM ĐỐC**



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Xuân